

Revinex® Flex System

Hệ thống chống thấm gốc xi măng đa năng

Mô tả

Hệ thống chống thấm gốc xi măng đa năng

Lĩnh vực ứng dụng

Sự kết hợp của thành phần gốc xi măng tiêu chuẩn (A) với nước hoặc với một trong 3 thành phần chất lỏng chuyên dụng (B), tạo ra 4 hệ thống chống thấm khác nhau tùy thuộc vào đặc tính yêu cầu của từng ứng dụng:

- 1. Revinex® Flex + nước:** Một thành phần, tiết kiệm và dễ thi công. Lý tưởng để chống thấm hiệu quả cho tầng hầm, tường, hồ thang máy, tường bên ngoài được lấp lại, v.v.
- 2. Revinex® Flex + Revinex® Flex FP:** Khả năng chịu áp suất thủy tĩnh tới 7 bar được chứng nhận DIN 1048-5 và EN 12390-8. Giải pháp chống thấm lý tưởng cho tầng hầm, bể nước, v.v.
- 3. Revinex® Flex + Revinex® Flex U360:** Hệ thống chống thấm linh hoạt, lý tưởng cho sân thượng, ban công, hồ bơi, khu vực ẩm ướt (phòng tắm, nhà bếp, v.v.), trước khi dán gạch men.
- 4. Revinex® Flex + Revinex® Flex ES:** Hệ thống chống thấm đàn hồi có khả năng chống bức xạ UV. Lý tưởng cho các ứng dụng chống thấm trên sân thượng và ban công dưới lớp gạch lát, cũng như trên các bề mặt lộ thiên như mái bằng, tường bên ngoài, v.v.

Đặc tính - Ưu Điểm

- Độ bám dính tuyệt vời trên nhiều loại chất nền khác nhau
- Thấm hơi nước, có đặc tính kết liền vết nứt
- Hệ thống chống thấm tích hợp và thích ứng để đáp ứng mọi nhu cầu, tùy thuộc vào yêu cầu cụ thể của từng dự án
- Độ bền cao



Đóng gói

Revinex® Flex
Ghi: 25kg & 5kg, bao
(thành phần A)
Trắng: 25kg, bao
(thành phần A)

Revinex® Flex FP
7kg, thùng nhựa
(thành phần B)

Revinex® Flex U360
10kg, thùng nhựa
(thành phần B)

Revinex® Flex ES
12kg & 2.4kg, thùng nhựa
(thành phần B)

Màu sắc
Ghi, trắng

Chứng chỉ - Báo cáo thí nghiệm

Revinex® Flex

- Chứng nhận CE theo EN 1504-2
Giấy chứng nhận Hợp chuẩn Số 1922-CPR-0386
- Các báo cáo thử nghiệm của phòng thí nghiệm kiểm soát chất lượng độc lập bên ngoài Geoterra (Số 2015/397 & 2021 / 229_28)

Revinex® Flex FP

- Chứng nhận CE theo EN 1504-2
Giấy chứng nhận Hợp chuẩn Số 1922-CPR-0386
- Báo cáo thử nghiệm khả năng chống thấm nước dưới áp lực của Cục Kỹ thuật Dân dụng trường Đại học Aristotle của Thessaloniki
Khả năng chịu áp suất thủy tĩnh đạt 7 bar được chứng nhận theo DIN 1048-5 và EN 12390-8
- Báo cáo thử nghiệm của phòng thí nghiệm kiểm soát chất lượng độc lập bên ngoài Geoterra (Số 2015/397 & 2019/341)

Revinex® Flex U360

- Chứng nhận CE theo EN 1504-2
Giấy chứng nhận Hợp chuẩn Số 1922-CPR-0386
- Các báo cáo thử nghiệm của phòng thí nghiệm kiểm soát chất lượng độc lập bên ngoài Geoterra (Số 2019/341 & 2021 / 229_16)
- Báo cáo phân tích của Khoa Kỹ thuật Hóa học trường Đại học Kỹ thuật Quốc gia Athens

Revinex® Flex ES

- Chứng nhận CE theo EN 1504-2
Giấy chứng nhận Hợp chuẩn Số 1922-CPR-0386
- Báo cáo thử nghiệm của phòng thí nghiệm kiểm soát chất lượng độc lập bên ngoài Geoterra (Số 2015/397 & 2019/341)
- Báo cáo phân tích của Khoa Kỹ thuật Hóa học trường Đại học Kỹ thuật Quốc gia Athens

Đặc tính kỹ thuật

Revinex® Flex + water

Tỷ lệ trộn (với nước, w/w)	25:7
Tỷ trọng của hỗn hợp (EN ISO 2811-1)	1,90kg/L (±0,1)
Độ bền nén (EN 1015-11)	15,8MPa (±1)
Độ bền uốn (EN 1015-11)	5,9MPa (±0,5)
Cường độ bám dính (EN 1542)	≥1,5N/mm ²
Khả năng thấm nước (EN 1062-3)	<0,1kg/m ² h ^{0.5}
Khuếch tán CO ₂ - Độ dày lớp không khí Sd (EN 1062-6)	>50m

Khuếch tán hơi nước - Độ dày lớp không khí tương đương Sd (EN ISO 7783)	<1m (Loại I - thấm)
Tiêu thụ: 2-2,5kg/m²/2 lớp(bề mặt góc xi măng)	

Revinex® Flex + Revinex® Flex FP	
Tỷ lệ trộn (với nước, w/w)	25:7
Tỷ trọng của hỗn hợp (EN ISO 2811-1)	2,00kg/L (±0,1)
Độ bền nén (EN 1015-11)	21,9MPa (±1)
Độ bền uốn (EN 1015-11)	10,4MPa (±0,5)
Chịu áp suất thủy tĩnh (DIN 1048-5 / EN 12390-8)	7 barσ - Qua
Cường độ bám dính (EN 1542)	≥1,5N/mm ²
Khả năng thấm nước (EN 1062-3)	<0,1kg/m ² h ^{0,5}
Khuếch tán CO ₂ - Độ dày lớp không khí Sd (EN 1062-6)	>50m
Khuếch tán hơi nước - Độ dày lớp không khí tương đương Sd (EN ISO 7783)	<1m (Loại I - thấm)
Tiêu thụ: 2-2,5kg/m²/2 lớp(bề mặt góc xi măng)	

Revinex® Flex + Revinex® Flex U360	
Tỷ lệ trộn A:B (w/w)	25:10
Tỷ trọng của hỗn hợp (EN ISO 2811-1)	1,75kg/L (±0,1)
Độ bền nén (EN 1015-11)	20,2MPa (±1)
Độ bền uốn (EN 1015-11)	10,4MPa (±0,5)
Giãn dài tại điểm đứt (EN ISO 527-1 / EN ISO 527-2)	25% (±5)
Cường độ bám dính (EN 1542)	≥1,5N/mm ²
Khả năng thấm nước (EN 1062-3)	<0,1kg/m ² h ^{0,5}
Khuếch tán CO ₂ - Độ dày lớp không khí Sd (EN 1062-6)	>50m
Khuếch tán hơi nước - Độ dày lớp không khí tương đương Sd (EN ISO 7783)	<5m (Loại I - thấm)
Tiêu thụ: 2-2,5kg/m²/2 lớp(bề mặt góc xi măng)	

Revinex® Flex + Revinex® Flex ES	
Tỷ lệ trộn A:B (w/w)	25:12
Tỷ trọng của hỗn hợp (EN ISO 2811-1)	1,70kg/L (±0,1)
Độ bền nén (EN 1015-11)	20,3MPa (±1)
Độ bền uốn (EN 1015-11)	10,1MPa (±0,5)

Giãn dài tại điểm đứt (EN ISO 527-1 / EN ISO 527-2)	56% (±6)
Cường độ bám dính (EN 1542)	≥1,5N/mm ²
Khả năng thấm nước (EN 1062-3)	<0,1kg/m ² h ^{0,5}
Khuếch tán CO ₂ - Độ dày lớp không khí Sd (EN 1062-6)	>50m
Khuếch tán hơi nước - Độ dày lớp không khí tương đương Sd (EN ISO 7783)	<5m (Loại I - thấm)
Tiêu thụ: 2-2,5kg/m²/2 lớp (bề mặt gốc xi măng)	

Điều kiện thi công - Chi tiết bảo dưỡng

Nhiệt độ thi công (môi trường – mặt nền)	Từ +5°C đến +35°C
Thời gian sống (+20°C, Độ ẩm môi trường 50%)	30 phút
Thời gian khô (+20°C, Độ ẩm môi trường 50%)	8-10 giờ (mỗi lớp)
<i>* Nhiệt độ thấp và độ ẩm cao trong quá trình thi công và / hoặc đóng rắn sẽ kéo dài thời gian trên, trong khi nhiệt độ cao sẽ rút ngắn lại.</i>	

Hướng dẫn sử dụng

Chuẩn bị mặt nền

Lớp nền gốc xi măng phải được chuẩn bị bằng biện pháp cơ học thích hợp (ví dụ: mài, phun nước, phun cát, vv) để làm phẳng các điểm gồ ghề, mở các lỗ xốp và tạo điều kiện cho độ bám dính tối ưu. Các lớp phủ cũ và vật liệu vụn rời phải được loại bỏ hoàn toàn bằng cách chải hoặc sử dụng máy chà nhám thích hợp và máy hút bụi hút cao áp, v.v.

Sửa chữa mặt nền, lấp đầy các mối nối, lỗ rỗng / khe hở và làm phẳng bề mặt, sửa chữa các khu vực có lỗ rỗng (sau khi cắt và mở với độ sâu 3cm) phải được thực hiện bằng cách sử dụng các sản phẩm sửa chữa thích hợp, chẳng hạn như Vữa sửa chữa gốc xi măng **Neorep®** được gia cường sợi không co ngót. Các mối nối xây dựng hiện có và các vết nứt có chiều rộng lớn hơn 0,4mm phải được mở dọc theo hình chữ V sâu khoảng 3cm rồi trám đầy như trên.

Nếu thấy cốt thép bị oxy hóa, cần loại bỏ lớp rỉ sét và sử dụng vật liệu tẩy rỉ **Neodur® Metalforce** và sau đó thi công lớp vữa chống ăn mòn **Ferrorep®**. Những điểm này cũng sẽ phải được phủ kín bằng **Neorep®**.

Ở những nơi có dòng nước chảy, nên ứng dụng **Neostop®** trước khi ứng dụng **Neorep®**.

Trước khi ứng dụng hệ thống **Revinex® Flex System**, bề mặt phải ổn định, sạch và không có bụi, dầu, mỡ, bụi bẩn, rong rêu hoặc bất kỳ vật liệu kém bám dính nào. Bề mặt phải phẳng và mịn nhất có thể.

Lớp lót

Bề mặt gốc xi măng phải được làm ẩm kỹ bằng nước. Việc thi công hệ thống chống thấm phải bắt đầu ngay sau khi đạt được điều kiện bão hòa khô bề mặt (SSD), không để đọng nước.



Ngoài ra, nên lăn phủ bề mặt bằng nhũ tương **co-polyme Revinex®** pha loãng với nước theo tỷ lệ **Revinex®: nước - 1: 4**.

Thi công

Đổ chậm đều thành phần A (bột) vào thành phần B (lông) của **Revinex® Flex System** theo tỷ lệ quy định (tùy theo hệ thống), khuấy đều hỗn hợp cùng lúc bằng máy khuấy điện tốc độ thấp cho đến khi hỗn hợp trở nên đồng nhất, không còn vón cục. Sau đó, hỗn hợp được thi công trước hết ở tất cả các góc được gia cố bằng lưới sợi thủy tinh kháng kiềm **Gavazzi® 0059-A** (thi công hai lớp “ướt-ướt” với lưới sợi thủy tinh ở giữa) và đồng thời một lớp trên toàn bộ bề mặt ngang và / hoặc dọc bằng chổi hoặc bay mịn.

Ngay sau khi lớp chống thấm gốc xi măng đầu tiên vừa đông cứng và sau khi được thấm ẩm bằng nước, thi công lớp chống thấm thứ hai theo phương thẳng đứng hoặc khác hướng với hướng thi công trước đó.

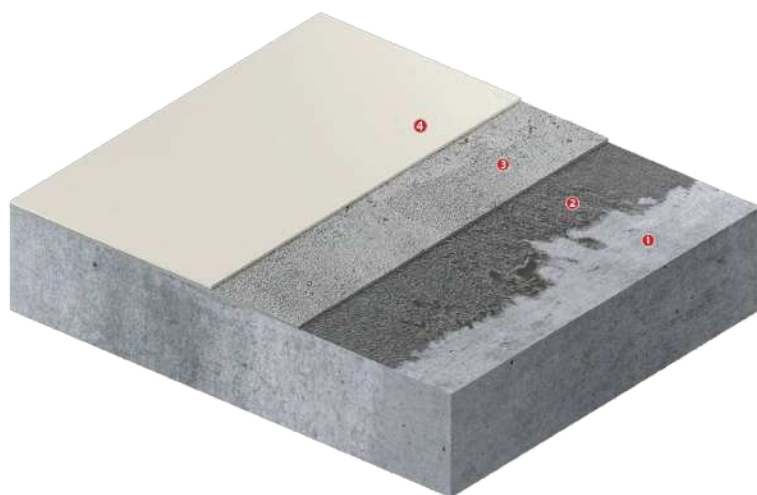
Nếu được yêu cầu, mọi lớp tiếp theo đều được thi công theo cùng cách đó. Độ dày của mỗi lớp không được vượt quá 1mm để đảm bảo vật liệu đóng rắn đúng cách. Để tăng khả năng chống xé, hệ thống nên được gia cố bằng lưới sợi thủy tinh chống kiềm **N-Thermon® Mesh 90gr** (đối với hệ thống **Revinex® Flex + nước** hoặc **Revinex® Flex + Revinex® Flex FP**) hoặc bằng **Gavazzi® 0059-A** (dành cho hệ thống **Revinex® Flex + Revinex® Flex U360** hoặc **Revinex® Flex + Revinex® Flex ES**).

Sau khi thi công lớp cuối cùng, nên bảo vệ hệ thống chống thấm khỏi các điều kiện thời tiết bên ngoài (nắng trực tiếp, gió, mưa, sương giá) trong khoảng thời gian 3-5 ngày.

Những lưu ý đặc biệt

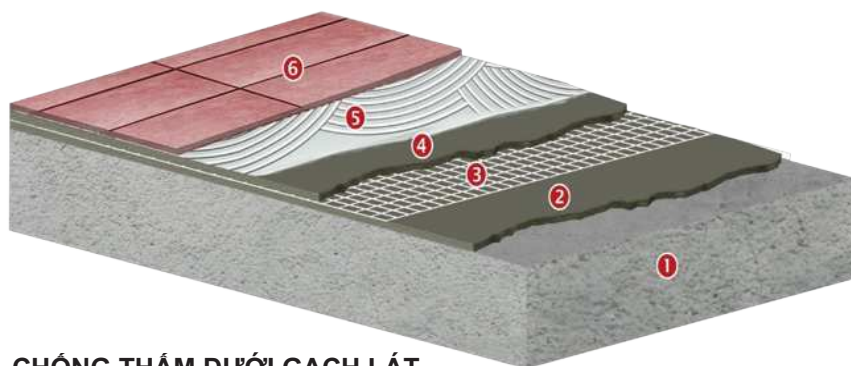
- Không thi công **Revinex® Flex System** trong điều kiện trời mưa hoặc dự báo sẽ mưa trong thời gian bảo dưỡng sản phẩm.
- Bảo dưỡng **Revinex® Flex System** từ 5 đến 8 ngày trước khi lát gạch hoặc sơn phủ các vật liệu khác
- Trường hợp dán gạch đè lên trên **Revinex® Flex System**, nên dùng keo dán gạch đàn hồi (loại C2TE S1)
- Trường hợp ứng dụng cho bể chứa nước (không uống được), bể chỉ được đổ đầy nước sau ít nhất 7-10 ngày (tùy theo điều kiện thời tiết thực tế) thi công lớp cuối cùng. Nước sử dụng để ngâm bể lần đầu nên được xử lý
- Độ bền của hệ thống chống thấm (và đặc biệt là khả năng chịu áp lực nước) được tăng cường nhờ tăng tổng độ dày màng khô, có thể đạt được thông qua việc ứng dụng một hoặc nhiều lớp bổ sung
- Không nên thi công hệ thống trên nền gốc xi măng chưa đủ thời gian bảo dưỡng.

Hướng dẫn quy trình thi công



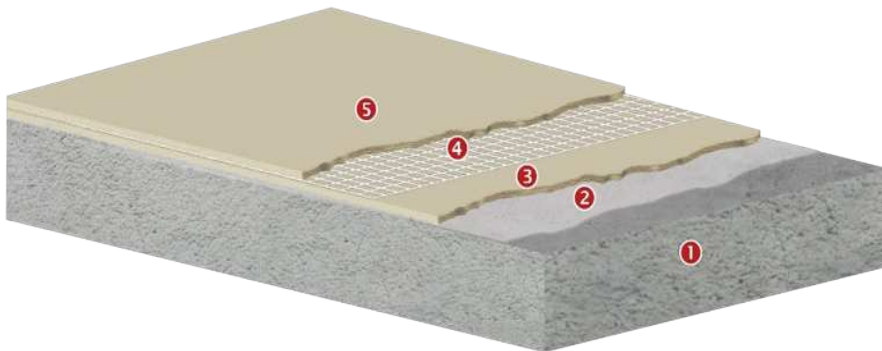
CHỐNG THẨM BỀ MẶT KHÔNG LỘ THIÊN

- 1 Nền gốc xi măng
- 2 Chống thấm gốc xi măng: **Revinex® Flex FP (A + B)**
- 3 Chống thấm gốc xi măng: **Revinex® Flex FP (A + B)**
- 4 Lớp phủ trên cùng gốc xi măng



CHỐNG THẨM DƯỚI GẠCH LÁT TRÊN SÂN THƯỢNG/BAN CÔNG/PHÒNG TẮM/NHÀ BẾP

- 1 Nền gốc xi măng
- 2 Chống thấm gốc xi măng: **Revinex® Flex U360 (A + B)**
- 3 Gia cố bằng sợi thủy tinh: **Gavazzi® 0059-A**
- 4 Chống thấm gốc xi măng: **Revinex® Flex U360 (A + B)**
- 5 Keo dán gạch đàn hồi
- 6 Gạch ốp lát



CHỐNG THẤM MÁI LỘ THIÊN

- 1 Nền gốc xi măng
- 2 Sơn lót: **Revinex® + nước (tỷ lệ 1: 4)**
- 3 Chống thấm gốc xi măng: **Revinex® Flex ES (A + B)**
- 4 Gia cố bằng sợi thủy tinh: **Gavazzi® 0059-A**
- 5 Chống thấm gốc xi măng: **Revinex® Flex ES (A + B)**


Màu sắc	Ghi, Trắng
Đóng gói	Revinex® Flex (Thành phần A): 25kg & 5 kg trong bao (ghi), 25kg trong bao (trắng) Revinex® Flex FP (Thành phần B): 7kg trong thùng nhựa Revinex® Flex U360 (Thành phần B): 10kg trong thùng nhựa Revinex® Flex ES (Thành phần B): 12kg & 2,4kg trong thùng nhựa
Vệ sinh dụng cụ & tẩy vết ó	Bằng nước ngay sau khi thi công. Trong trường hợp vết bẩn đã đông cứng cứng, chỉ bằng phương pháp cơ học.
Mã UFI	Revinex® Flex FP (Thành phần B): KSC0-K0TS-U00X-FUKX Revinex® Flex U360 (Thành phần B): DVC0-30H6-500F-4660 Revinex® Flex ES (Thành phần B): 3PC0-304D-J00F-TH0V





Mã UFI


Revinex® Flex (Thành phần A): 12 tháng, nếu được giữ trong bao bì kín ban đầu, được bảo vệ khỏi sương giá, độ ẩm và tiếp xúc với bức xạ mặt trời.

Revinex® Flex FP / U360 / ES (Thành phần B): 2 năm, nếu được giữ trong bao bì kín ban đầu, được bảo vệ khỏi sương giá, độ ẩm và tiếp xúc với bức xạ mặt trời

 1922	
NEOTEX S.A. V.Moira str., P.O. Hộp 2315 GR 19600 Khu công nghiệp Mandra, Athens, Hy Lạp 14	
1922-CPR-0386 DoP No.: 4950-8.0 EN 1504-2 Revinex® Flex System Sản phẩm bảo vệ bề mặt Lớp phủ	
Độ thấm hơi nước:	Loại I
Cường độ bám dính:	$\geq 1,5\text{N} / \text{mm}^2$
Khả năng hấp thụ mao mạch khả năng thấm nước:	$W < 0,1\text{Kg} / \text{m}^2\text{h}^{0,5}$
Khả năng thấm CO2:	SD > 50m
Phản ứng lửa:	Euroclass F
Các chất nguy hiểm:	Tuân thủ 5.3

 1922	
NEOTEX S.A. V.Moira str., P.O. Hộp 2315 GR 19600 Khu công nghiệp Mandra, Athens, Hy Lạp 14	
1922-CPR-0386 DoP No.: 4950-8.1 EN 1504-2 Revinex® Flex FP Sản phẩm bảo vệ bề mặt Lớp phủ	
Độ thấm hơi nước:	Loại I
Cường độ bám dính:	$\geq 1,5\text{N} / \text{mm}^2$
Khả năng hấp thụ mao mạch khả năng thấm nước:	$W < 0,1\text{Kg} / \text{m}^2\text{h}^{0,5}$
Khả năng thấm CO2:	SD > 50m
Phản ứng lửa:	Euroclass F
Các chất nguy hiểm:	Tuân thủ 5.3

 1922	
NEOTEX S.A. V.Moira str., P.O. Hộp 2315 GR 19600 Khu công nghiệp Mandra, Athens, Hy Lạp 14	
1922-CPR-0386 DoP No.: 4950-8.2 EN 1504-2 Revinex® Flex U360 Sản phẩm bảo vệ bề mặt Lớp phủ	
Độ thấm hơi nước:	Loại I
Cường độ bám dính:	$\geq 1,5N / mm^2$
Khả năng hấp thụ mao mạch khả năng thấm nước:	$W < 0,1Kg / m^2h^{0.5}$
Khả năng thấm CO2:	SD > 50m
Phản ứng lửa:	Euroclass F
Các chất nguy hiểm:	Tuân thủ 5.3

 1922	
NEOTEX S.A. V.Moira str., P.O. Hộp 2315 GR 19600 Khu công nghiệp Mandra, Athens, Hy Lạp 14	
1922-CPR-0386 DoP No.: 4950-8.3 EN 1504-2 Revinex® Flex ES Sản phẩm bảo vệ bề mặt Lớp phủ	
Độ thấm hơi nước:	Loại I
Cường độ bám dính:	$\geq 1,5N / mm^2$
Khả năng hấp thụ mao mạch khả năng thấm nước:	$W < 0,1Kg / m^2h^{0.5}$
Khả năng thấm CO2:	SD > 50m
Phản ứng lửa:	Euroclass F
Các chất nguy hiểm:	Tuân thủ 5.3

Thông tin được cung cấp trong biểu dữ liệu này, liên quan đến việc sử dụng và ứng dụng của sản phẩm, dựa trên kinh nghiệm và kiến thức về NEOTEX® SA. Nó được cung cấp như một dịch vụ cho các nhà thiết kế và nhà thầu để giúp họ tìm ra các giải pháp tiềm năng. Tuy nhiên, với tư cách là nhà cung cấp, NEOTEX® SA không kiểm soát việc sử dụng thực tế của sản phẩm và do đó không thể chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng sản phẩm. Là kết quả của sự phát triển kỹ thuật liên tục, khách hàng của chúng tôi tùy thuộc vào kiểm tra với bộ phận kỹ thuật của chúng tôi để đảm bảo rằng bảng dữ liệu hiện tại này đã không được sửa đổi bởi một phiên bản mới hơn:

HEADQUARTERS - PLANT
 V. Moira str., Xiropigado
LOGISTICS SALES & CENTER
 Loutsas str., Voro

P.O. Box 2315, GR 19600
 Industrial Area Mandra
 Athens, Greece
 T. +30 210 5557579

NORTHERN GREECE BRANCH
 Ionias str., GR 57009
 Kalochori, Thessaloniki, Greece
 T. +30 2310 467275